

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/01/2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lộc

Bà Phạm Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Vy O**, sinh năm: 1987.

HKTT: M, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: M ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

- **Bị đơn:** Anh **Phạm Văn N**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: M, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Vy O trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh N quen nhau qua giới thiệu của người thân. Sau khi quen được hai năm thì chị O và anh N tiến tới hôn nhân, năm 2008 thì tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 12/5/2008, đây là hôn nhân lần đầu của chị O.

Sau khi kết hôn, chị O và anh N sống cùng với bố mẹ chồng tại nhà chồng ở Gia Kiệm. Thời gian đầu hai vợ chồng sống bình thường, không có

mâu thuẫn. Khoảng 06 tháng sau, hai vợ chồng bắt đầu phát sinh chút mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc với mẹ chồng. Trong quá trình chung sống, chị O và anh N cũng lo làm ăn: chăn nuôi heo, bán đồ ăn sáng, buôn bán bên ngoài, thu nhập của vợ chồng do mẹ chồng cất giữ. Hai vợ chồng cũng cố gắng để sanh con, tuy nhiên do anh N thuộc trường hợp hiếm muộn nên không thể có con. Mặt khác trong cuộc sống vợ chồng anh N không tin tưởng chị O hay nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, mỗi lần say xỉn hay đánh đập chị O từ những nguyên nhân trên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Năm 2020, chị O bỏ nhà chồng về nhà mẹ để sinh sống tại xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời gian này vợ chồng cũng nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết vấn đề hôn nhân nhưng không đoàn tụ được, anh N nhiều lần gọi điện thoại đe dọa đòi giết chị. Nhận thấy không còn tình cảm, đời sống chung không hạnh phúc nên chị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 17/10/2023, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Văn N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N công nhận lời khai của chị O về thời gian và hoàn cảnh kết hôn là đúng. Qua giới thiệu của người thân anh N và chị O quen biết rồi có tình cảm nên đi đến hôn nhân. Năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 12/5/2008, đây là hôn nhân lần đầu của anh N.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N bị tai nạn giao thông chấn thương đầu nên mỗi lần uống rượu vào thì anh không kiềm chế được tính nóng và có lời nói xúc phạm đến chị O nên vợ chồng gây gổ và đôi khi anh còn đánh chị O.

Trong mối quan hệ gia đình, một phần do quan hệ mẹ chồng và nàng dâu có mâu thuẫn về tiền bạc nên dẫn đến cãi vã. Từ những nguyên nhân trên làm cho đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc.

Năm 2020 vợ chồng sống ly thân cho đến ngày hôm nay. Trong thời gian sống ly thân, anh N có gọi điện thoại cho chị O khuyên nhủ chị về đoàn tụ nhưng chị O không đồng ý.

Tại Tòa án chị O xin ly hôn, anh N không đồng ý vì anh còn thương chị O, mặt khác anh là người theo đạo Công giáo nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Vy O được ly hôn với anh Phạm Văn N.

+ Về con chung: Vợ chồng anh N và chị O chung sống không có con chung, không giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Phạm Văn N cư trú tại M, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.2] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”.

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định chị Lê Thị Vy O là nguyên đơn, anh Phạm Văn N là bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Vy O và anh Phạm Văn N tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được UBND xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 12/5/2008 đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của chị O và anh N được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị O khởi kiện xin ly hôn với anh N. Xét thời điểm hiện tại Luật hôn

nhân năm 2014 đang có hiệu lực, việc kết hôn của chị O, anh N cũng thỏa mãn điều kiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về con chung không có, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Vy O Hội đồng xét xử nhận định:

Chị O và anh N xây dựng gia đình vào năm 2008, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, chị O và anh N sống chung với cha mẹ chồng, do giữa mẹ chồng và chị O bất hòa về việc tiền bạc và chi tiêu trong sinh hoạt gia đình, thường xuyên gây gổ, đồng thời việc vợ chồng không có con cũng là nguyên nhân bất hòa giữa chị O và gia đình chồng.

Tại phiên tòa, anh N cũng khai nhận anh bị tai nạn giao thông chấn thương sọ não, sau khi sức khỏe bình phục anh không làm chủ được bản thân hay nóng tính. Khi vợ chồng gây gổ anh không kiềm chế được tính nóng đã đánh chị O. Việc chị O khai anh cầm lưỡi liềm đòi giết chị O là không đúng mà anh N chỉ dọa chị O cho chị sợ mà thôi. Năm 2020 vợ chồng sống ly đến nay không đoàn tụ được để xây dựng lại gia đình hạnh phúc.

Theo biên bản xác minh ngày 01/12/2023, ông Đào Đức H (Trưởng ấp V, xã G) cho biết: “ ... *Khoảng năm 2014 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không có con chung, gia đình chồng cũng gây áp lực cho chị O về vấn đề con cái và công việc trong gia đình ...* ”.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng chung sống phải tôn trọng, thương yêu chăm sóc lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị O và anh N không đáp ứng được tiêu chí trên. Vợ chồng thường xuyên gây gổ, thiếu sự tin tưởng tôn trọng nhau, gây gổ đánh đập nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O cho chị được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị O và anh N có lời khai thống nhất anh, chị chung sống không có con chung nên hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị O và anh N không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Thị Vy O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9; Điều 11; Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Vy O.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Vy O và anh Phạm Văn N được ly hôn.

2. *Về con chung:* Không có nên không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Lê Thị Vy O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007925 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị O đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND xã G (49/2008);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Kim Đó